

BÁO CÁO

**Giải trình, bổ sung một số nội dung đề xuất điều chỉnh, bổ sung
kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách tại Báo cáo thẩm tra số 10/BC-HĐND ngày 03/4/2019, UBND Thành phố báo cáo giải trình và bổ sung một số nội dung đã đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019 tại Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 27/3/2019 như sau:

I. Các nội dung giải trình, làm rõ:

1. Báo cáo thẩm tra đề nghị bổ sung thêm thông tin: (i) tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 từ đầu năm đến nay đối với các dự án và đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch vốn năm 2019 đã giao; (ii) nguyên nhân phải điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung kế hoạch vốn đối với từng dự án. Rà soát đảm bảo nguyên tắc tổng vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá mức vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã duyệt.

1.1. Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND Thành phố đã bổ sung thêm thông tin về tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 từ đầu năm đến nay đối với các dự án và đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch vốn năm 2019 đã giao (chi tiết tại các biểu phụ lục kèm theo).

1.2. Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND Thành phố đã bổ sung các thông tin thuyết minh nguyên nhân điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung kế hoạch vốn đối với từng dự án tại mục ghi chú trong biểu phụ lục.

1.3. Về rà soát đảm bảo nguyên tắc tổng vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá mức vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã duyệt: Đối với các dự án đã có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt, tổng vốn bố trí sau điều chỉnh đảm bảo không vượt mức vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã duyệt. Riêng đối với 06 dự án chuyển tiếp đã bố trí kế hoạch để hoàn thành năm 2017 nhưng không giải ngân hết, bị hủy bỏ là 55.954 triệu đồng. Nay đề xuất bố trí kế hoạch để tiếp tục thực hiện hoàn thành dự án với tổng mức vốn 56.200 triệu đồng. Số vốn bị hủy bỏ của 06 dự án trên đưa vào kết dư để bổ sung trở lại cho đầu tư là 27.977 triệu đồng (số còn lại được đưa vào quỹ dự trữ tài chính theo quy định). Do đó, thiếu hụt nguồn 31.531 triệu đồng. Số vốn thiếu hụt này không lớn, đề xuất cân đối từ dự phòng đầu tư công trung hạn còn lại chưa phân bổ.

2. Báo cáo thẩm tra có nêu trong phương án trình còn 03 dự án chưa có quyết định phê duyệt đầu tư dự án và 14 dự án đã quá thời hạn thực hiện. Đề nghị UBND rà soát để đảm bảo các dự án được điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019 đợt này đáp ứng điều kiện bố trí kế hoạch và sớm giải ngân sau khi được bố trí vốn nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn ngân sách.

- Đối với 03 dự án chưa có quyết định phê duyệt đầu tư dự án: Đến nay có 2/3 dự án đã hoàn thành thủ tục quyết định đầu tư, gồm: (1) Dự án xây dựng đường nối từ Khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn với đường Võ Nguyên Giáp: Phê duyệt dự án tại Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND Thành phố; (2) Dự án mở rộng QL1A đoạn Km189 đến Km194 qua địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội: Phê duyệt dự án tại Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND Thành phố. Còn lại dự án cải tạo mở rộng ngõ 381 Nguyễn Khang (từ phố Thành Thái đến phố Nguyễn Khang), quận Cầu Giấy do không kịp hoàn thiện thủ tục quyết định đầu tư, UBND Thành phố đưa ra khỏi danh mục đề xuất bố trí vốn đợt này.

- Đối với nội dung trong phương án trình có nêu 14 dự án XDCB tập trung chuyển tiếp đã hết thời gian thực hiện dự án phải thực hiện thủ tục điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Sau khi rà soát có 03 dự án đã hoàn thiện thủ tục điều chỉnh thời gian thực hiện dự án, chỉ còn lại 11 dự án phải hoàn thiện thủ tục điều chỉnh thời gian thực hiện dự án (là các dự án có số thứ tự 16, 18, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 35, 36, 37 tại Phụ lục 2). Đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố cho phép tiếp tục bố trí vốn năm 2019 cho 11 dự án này như cơ chế Hội đồng nhân dân Thành phố đã cho phép đối với 24 dự án tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018. Sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận, UBND Thành phố sẽ chỉ đạo các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thiện thủ tục điều chỉnh thời gian thực hiện 11 dự án nêu trên trước ngày 30/5/2019 để triển khai thực hiện sớm hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư.

3. Báo cáo thẩm tra đề nghị rà soát lại danh mục và mức vốn bố trí đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp huyện đảm bảo nguyên tắc ưu tiên đủ kế hoạch vốn cho các dự án thuộc các xã đăng ký hoàn thành nông thôn mới trong năm 2019.

Tổng tổng số 134 dự án đề xuất bố trí vốn hỗ trợ đợt này có 17 dự án thuộc các xã nông thôn mới đủ điều kiện bố trí kế hoạch, tổng mức vốn hỗ trợ theo Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố là 312,2 tỷ đồng, trong đó 11 dự án đã đề xuất bố trí một lần đủ vốn để hoàn thành, 6 dự án còn lại đề xuất bố trí một phần trên cơ sở dự kiến tình hình thực hiện cũng như khả năng giải ngân kế hoạch vốn giao năm 2019. Trường hợp sau khi được phân bổ kế hoạch, các dự án có tiến độ triển khai tốt, cần bổ sung vốn, UBND Thành phố sẽ đề xuất bổ sung kế hoạch vốn vào các kỳ họp tiếp theo trong năm 2019 của HĐND Thành phố.

4. Báo cáo thẩm tra đề nghị chuẩn xác thông tin về tên dự án, lĩnh vực, quy mô, mức vốn đầu tư công trung hạn đã được duyệt và kế hoạch vốn năm 2019 đối với một số dự án đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố.

UBND Thành phố tiếp thu và đã thực hiện việc chuẩn xác thông tin tại các biểu phụ lục.

5. Báo cáo thẩm tra đề nghị rà soát, điều chỉnh các phụ lục của Nghị quyết trên cơ sở tiếp thu, điều chỉnh phương án phân bổ theo quyết nghị của HĐND Thành phố.

UBND Thành phố tiếp thu và đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật vào các phụ lục của dự thảo Nghị quyết.

6. Báo cáo thẩm tra đề nghị bổ sung vào dự thảo Nghị quyết yêu cầu về tổ chức thực hiện tại Điều 2: Giao UBND Thành phố rà soát tổng thể, đề xuất phương án xử lý (dừng triển khai hoặc cập nhật vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và bố trí kế hoạch vốn hoàn thành dứt điểm) đối với toàn bộ các dự án chuyển tiếp đã khởi công từ năm 2015 trở về trước, chưa được cấp có thẩm quyền chỉ đạo dừng triển khai nhưng không nằm trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố, báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp HĐND Thành phố trong năm 2019 để đảm bảo hiệu quả nguồn vốn đã đầu tư, tránh để tồn tại công trình dở dang không có khả năng khai thác hoặc khai thác không hiệu quả.

UBND Thành phố tiếp thu và đã cập nhật vào dự thảo Nghị quyết.

II. Đề xuất điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của phương án trình

Sau khi rà soát, UBND Thành phố báo cáo, đề xuất bổ sung một số nội dung của phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019 như sau:

1. Đưa ra khỏi danh mục các dự án XDCCB tập trung cấp Thành phố trong phương án đề xuất đối với 01 dự án (cải tạo mở rộng ngõ 381 Nguyễn Khang (từ phố Thành Thái đến phố Nguyễn Khang), quận Cầu Giấy) do chưa kịp hoàn thiện thủ tục quyết định đầu tư; theo đó giảm mức vốn đã đề xuất 60 tỷ đồng.

2. Đề xuất bổ sung danh mục và bố trí vốn kế hoạch vốn năm 2019 đối với 01 dự án XDCCB tập trung cấp Thành phố do đã hoàn thiện thủ tục phê duyệt quyết định đầu tư, đảm bảo điều kiện bố trí vốn từ nguồn kết dư ngân sách theo quy định tại Nghị định 120/2018/NĐ-CP, cụ thể:

- Về danh mục: Dự án xây dựng khu liên cơ quan Vân Hồ.
- Về mức vốn kế hoạch năm 2019: 60 tỷ đồng.

3. Hiệu chỉnh trong nội bộ mức vốn đề xuất bố trí đối với 02 dự án hỗ trợ bổ sung có mục tiêu đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 thuộc địa bàn huyện Sóc Sơn do sơ xuất trong quá trình tổng hợp phương án, cụ thể:

- Dự án cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Kim Lũ: Giảm mức vốn hỗ trợ từ 14 tỷ đồng, xuống 13 tỷ đồng (bằng mức vốn hỗ trợ tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018).

- Dự án xây dựng trường THCS Đông Xuân: Tăng mức vốn hỗ trợ đợt này từ 30 tỷ đồng (mức trần hỗ trợ là 57 tỷ đồng), lên 31 tỷ đồng (từ số vốn hiệu chỉnh giảm của dự án cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Kim Lũ).

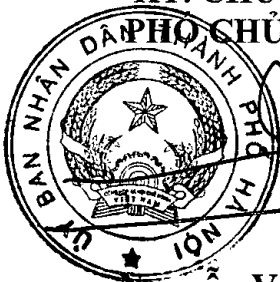
Với việc đưa ra khỏi danh mục đề xuất 01 dự án, mức vốn giảm 60 tỷ đồng, đồng thời đưa vào danh mục 01 dự án cũng với mức vốn 60 tỷ đồng, do đó tổng thể về mức vốn và số dự án của phương án đã đề xuất không thay đổi. Cụ thể, sau khi điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, tổng vốn đầu tư năm 2019 sẽ tăng từ 29.019,503 tỷ đồng lên thành 30.992,003 tỷ đồng, tăng thêm 1.972,5 tỷ đồng; số dự án được bố trí vốn tăng từ 328 dự án lên 490 dự án, tăng thêm 162 dự án.

UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố (có các biểu phụ lục và dự thảo Nghị quyết kèm theo)./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KTNS-HĐND Thành phố;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- VPUB: CVP, các PCVP, KT, ĐT, KGVX, NC, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KT. 

50

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH 


Nguyễn Văn Sửu

Phụ lục 1
BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: **102** /BC-UBND ngày **05/4/2019** của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2019 ĐÃ GIAO			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỢT 1 NĂM 2019					KẾ HOẠCH NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG			Ghi chú
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	Số DA tăng thêm	Dự kiến tăng thêm trong năm 2019	Kế hoạch vốn			Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	
							Tổng số	Trong đó:					
								Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	328	210	29.019.503	162	104	1.972.500		1.972.500	490	314	30.992.003	
A	CHI ĐẦU TƯ CÔNG (BỔ TRÍ VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG)	328	210	22.939.503	162	104	972.500	-1.000.000	1.972.500	490	314	23.912.003	
A1	Bổ trí vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng			1.867.538								1.867.538	
1	Bổ trí thu hồi các khoản ứng trước đến hết Kế hoạch năm 2018 chưa bổ trí nguồn để thu hồi			176.920								176.920	
2	Hoàn trả kinh phí ngân sách Thành phố đã ứng từ nguồn cải cách tiền lương của các Quận năm 2013			440.618								440.618	
3	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành			250.000								250.000	
4	Dự phòng			1.000.000								1.000.000	
A2	Vốn phân bổ thực hiện các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư XDCB, hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	328	210	21.071.965	162	104	972.500	-1.000.000	1.972.500	490	314	22.044.465	
I	Vốn XDCB tập trung cấp Thành phố	184	113	16.612.096	26	15	-778.700	-1.111.000	332.300	210	128	15.833.396	Phụ lục 2
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	16	5	7.941.220			-1.230.000	-1.230.000		16	5	6.711.220	
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	35	20	5.610.816	14	14	9.800	9.800		49	34	5.620.616	
2	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	11	8	477.653						11	8	477.653	

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2019 ĐÃ GIAO			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỢT 1 NĂM 2019					KẾ HOẠCH NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG			Ghi chú
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	Số DA tăng thêm	Dự kiến CTHT tăng thêm trong năm 2019	Kế hoạch vốn			Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	
							Tổng số	Trong đó:					
								Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	24	17	1.350.000			-1.360.000	-1.360.000		24	17	-10.000	
4	Dự án khởi công mới năm 2019	114	68	8.087.400	12	1	571.500	239.200	332.300	126	69	8.658.900	
5	Bổ trí nguồn vốn thực hiện các dự án quy hoạch theo Luật Quy hoạch			100.000								100.000	
6	Bổ trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XDCB tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP (BT, BOT,...)			100.000								100.000	Thực hiện giải ngân theo cơ chế linh hoạt
7	Vốn ODA trung ương cấp phát (phân bổ theo Quyết định giao chi tiết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)			886.227								886.227	UBND Thành phố đã giao đợt 1 cho 04 dự án, số vốn 225.929 triệu đồng (QĐ số 1039 ngày 05/3/2019)
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề	13	12	591.000						13	12	591.000	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015												
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016												
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	3	3	90.000						3	3	90.000	
	Dự án khởi công mới năm 2019	10	9	501.000						10	9	501.000	
2	Lĩnh vực khoa học công nghệ				1	1	1.300	1.300		1	1	1.300	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015				1	1	1.300	1.300		1	1	1.300	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016												
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018												
	Dự án khởi công mới năm 2019												
3	Lĩnh vực quốc phòng	4	4	374.000	1		40.000		40.000	5	4	414.000	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015												
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	1	1	24.000						1	1	24.000	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	2	2	162.000						2	2	162.000	

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2019 ĐÃ GIAO			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỢT 1 NĂM 2019					KẾ HOẠCH NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG			Ghi chú
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	Số DA tăng thêm	Dự kiến tăng thêm trong năm 2019	Kế hoạch vốn			Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	
							Tổng số	Trong đó:					
						Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm		Phân bổ từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Dự án khởi công mới năm 2019	1	1	188.000	1		40.000		40.000	2	1	228.000	
4	Lĩnh vực an ninh	37	27	1.057.200	1	1	6.300		6.300	38	28	1.063.500	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015												
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016												
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018												
	Dự án khởi công mới năm 2019	37	27	1.057.200	1	1	6.300		6.300	38	28	1.063.500	
5	Lĩnh vực y tế	7	2	568.000	1	1	-55.500	-55.500		8	3	512.500	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2	1	265.000	1	1	-55.500	-55.500		3	2	209.500	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	2		100.000						2		100.000	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018												
	Dự án khởi công mới năm 2019	3	1	203.000						3	1	203.000	
6	Lĩnh vực văn hóa thông tin	3	2	39.000	1	1	6.000	6.000		4	3	45.000	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2	1	30.000	1	1	6.000	6.000		3	2	36.000	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016												
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	1	1	9.000						1	1	9.000	
	Dự án khởi công mới năm 2019												
7	Lĩnh vực môi trường	5	2	529.838						5	2	529.838	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2		270.838						2		270.838	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016												
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	1	1	11.000						1	1	11.000	
	Dự án khởi công mới năm 2019	2	1	248.000						2	1	248.000	
8	Các hoạt động kinh tế	108	60	11.816.831	26	10	-846.800	-1.072.800	226.000	134	70	10.970.031	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	27	17	4.772.978	10	10	48.000	48.000		37	27	4.820.978	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	8	7	353.653						8	7	353.653	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	16	9	1.008.000			-1.360.000	-1.360.000		16	9	-352.000	
	Dự án khởi công mới năm 2019	57	27	5.682.200	9		465.200	239.200	226.000	66	27	6.147.400	
a	Lĩnh vực giao thông	78	41	9.936.133	16	3	-1.033.500	-1.259.500	226.000	94	44	8.902.633	
b	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước	7	4	381.207						7	4	381.207	
c	Lĩnh vực đê điều	5	4	247.000	2	2	6.800	6.800		7	6	253.800	
d	Lĩnh vực thủy lợi	17	10	1.235.291	5	5	38.700	38.700		22	15	1.273.991	

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2019 ĐÃ GIAO			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỢT 1 NĂM 2019					KẾ HOẠCH NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG			Ghi chú
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	Số DA tăng thêm	Dự kiến tăng thêm trong năm 2019	Kế hoạch vốn			Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	
							Tổng số	Trong đó:					
								Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
e	Lĩnh vực HTKT tái định cư				3		141.200	141.200		3		141.200	
f	Lĩnh vực thương mại	1	1	17.200						1	1	17.200	
9	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3	2	352.000	1		60.000		60.000	4	2	412.000	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1	1	192.000						1	1	192.000	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016												
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	1	1	70.000						1	1	70.000	
	Dự án khởi công mới năm 2019	1		90.000	1		60.000		60.000	2		150.000	
10	Lĩnh vực khác	4	2	198.000	1	1	10.000	10.000		5	3	208.000	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1		80.000	1	1	10.000	10.000		2	1	90.000	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016												
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018												
	Dự án khởi công mới năm 2019	3	2	118.000						3	2	118.000	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố	2	2	1.206.200			11.000	11.000		2	2	1.217.200	
1	CTMT quốc gia về Xây dựng nông thôn mới lồng ghép thực hiện Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020	1	1	1.187.200			11.000	11.000		1	1	1.198.200	Hoàn trả ngân sách huyện Thanh Trì đã tạm ứng để thực hiện Chương trình
2	CTMT Thành phố về Giảm thiểu ùn tắc giao thông	1	1	19.000						1	1	19.000	
III	Bổ trí vốn thực hiện một số dự án theo cơ chế đặc thù	4		1.238.000	1		100.000	100.000		5		1.338.000	
1	UBND quận Cầu Giấy	1		530.000						1		530.000	
2	UBND quận Hoàng Mai	2		453.000						2		453.000	
3	UBND quận Long Biên	1		255.000						1		255.000	
4	UBND Quận Nam Từ Liêm				1		100.000	100.000		1		100.000	Phụ lục 3

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2019 ĐÃ GIAO			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỢT 1 NĂM 2019					KẾ HOẠCH NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG			Ghi chú
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	Số DA tăng thêm	Dự kiến CTHT tăng thêm trong năm 2019	Kế hoạch vốn			Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	
							Tổng số	Trong đó:					
								Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
IV	Nguồn vốn huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức				1	1	13.000		13.000	1	1	13.000	Phụ lục 4
V	Ngân sách thành phố hỗ trợ cho cấp huyện	138	95	2.015.669	134	88	1.627.200		1.627.200	272	183	3.642.869	
1	Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã	78	41	1.498.500						78	41	1.498.500	
2	Hỗ trợ các huyện xây dựng trường học, trạm y tế từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô	27	22	376.000						27	22	376.000	
3	Hỗ trợ đặc thù	33	32	141.169	1		500		500	34	32	141.669	Phụ lục 5
4	Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu ngoài định mức hỗ trợ tại Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 (theo các văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Thành phố trong năm 2018)				133	88	1.626.700		1.626.700	133	88	1.626.700	Phụ lục 6; trong đó 01 dự án bố trí một phần từ nguồn vốn xổ số Thủ đô
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC (BỔ TRÍ VỐN CHO CÁC QUỸ, CÁC KHOẢN CHI ĐẦU TƯ KHÁC)			6.080.000			1.000.000	1.000.000				7.080.000	
1	Bổ sung vốn và hoàn trả cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố			2.200.000			1.000.000	1.000.000				3.200.000	Bổ sung nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn GPMB
2	Ghi thu, ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng cho các dự án BT			3.000.000								3.000.000	
3	Bổ sung vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm			450.000								450.000	
4	Bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân			30.000								30.000	
5	Đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hỗ trợ các dự án xã hội hóa			300.000								300.000	
6	Hỗ trợ địa phương bạn			100.000								100.000	

Phụ lục 2

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019 CÁC DỰ ÁN XDCB TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số: 102/BC-UBND ngày 05/4/2019 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được duyệt	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KII 2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 01/4/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG	1	26	11					15.742.493	4.799.449	1.977.483	3.732.389	20.375	-778.700	-1.111.000	332.300	2.953.689	15		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		9	8					2.966.794	1.752.649	1.655.642	201.389	14.580	9.800	9.800		211.189	14		
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	1	3						8.449.236	1.099.000	181.661	3.310.000	600	-1.360.000	-1.360.000		1.950.000			
	Dự án khởi công mới năm 2019		14	3					4.326.463	1.947.800	140.180	221.000	5.195	571.500	239.200	332.300	792.500	1		
A	Dự án điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	1	10	1					10.841.456	2.916.000	598.264	3.732.389	20.375	-1.402.000	-1.402.000		2.330.389			
A.1	Dự án giảm vốn	1	7	1					9.976.983	2.351.000	598.264	3.672.389	17.352	-1.492.000	-1.492.000		2.180.389			
I	Lĩnh vực y tế		2						934.369	970.000	167.408	100.000		-60.000	-60.000		40.000			
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		2						934.369	970.000	167.408	100.000		-60.000	-60.000		40.000			
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2012-2015	300 giường	5060/QĐ-UBND ngày 28/10/2011	149.936	270.000	55.653	50.000		-30.000	-30.000		20.000		Ban QLDA ĐTXD CT văn hóa - xã hội thành phố Hà Nội	Vốn KH2018 kéo dài còn 47,5 tỷ đồng, trong khi dự án đang nghiên cứu, điều chỉnh dự án, chậm đầu thầu
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội		1		Hà Đông	2016-2020	200 giường	4908/QĐ-UBND 30/9/2015	784.433	700.000	111.755	50.000		-30.000	-30.000		20.000		Ban QLDA ĐTXD CT văn hóa - xã hội thành phố Hà Nội	Vốn KH2018 kéo dài còn 94,6 tỷ đồng, trong khi dự án đang nghiên cứu, điều chỉnh thiết kế, chậm đầu thầu
II	Lĩnh vực giao thông	1	5	1					9.042.614	1.381.000	430.856	3.572.389	17.352	-1.432.000	-1.432.000		2.140.389			
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						301.002	220.000	164.019	101.389	14.580	-30.000	-30.000		71.389			

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được duyệt	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 01/4/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn Vạn Bảo đến nút Núi Trúc), GD 2		1		Ba Đình	2007-2018	565,75m x3m	1096/QĐ-UB 02/3/2006 số 2619/QĐ-UBND ngày 08/5/2017	301.002	220.000	164.019	101.389	14.580	-30.000	-30.000		71.389		Ban QLDA ĐTXD CTGT thành phố Hà Nội	Đề xuất điều chỉnh giảm do vướng mắc trong công tác GPMB (còn 13PA chưa duyệt; Quỹ nhà TĐC 30T1, 30T2 lô A14 khu đô thị Nam Trung Yên chưa xây dựng xong)
b)	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	1	3						8.449.236	1.099.000	181.661	3.310.000	600	-1.360.000	-1.360.000		1.950.000			
4	Hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến cổng trường Đại học Công đoàn		1		Đống Đa	2015-2019	Hoàn thiện 1/4 nút giao theo quy hoạch	5572/QĐ-UBND 28/10/2014; 8006/QĐ-UBND 17/11/2017	535.712	465.000	410	70.000		-50.000	-50.000		20.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT thành phố Hà Nội	Hiện nay mới đang thẩm định thiết kế BVTC-DT; Quỹ nhà TĐC tại KĐT Từ Hiệp - Thanh Trì chưa triển khai.
5	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường Vành đai 1, đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội, giai đoạn 1	1			Đống Đa, Ba Đình	2018-2020	2.270m x50m; 02 cầu vượt	5757/QĐ-UBND 25/10/2018	7.210.958			3.000.000	600	-1.200.000	-1.200.000		1.800.000		Ban QLDA ĐTXD CT dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội	Đang tổ chức kiểm đếm GPMB; đang điều chỉnh dự án. Điều chỉnh giảm mức vốn kế hoạch để tạo nguồn bổ sung quỹ phát triển đất phục vụ điều hành lĩnh vực công tác GPMB của Thành phố
6	Xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm		1		Nam Từ Liêm	2017-2018	L=3.065m; B=40m	2307/QĐ-UBND 17/4/2017	436.735	394.000	61.251	120.000		-70.000	-70.000		50.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT thành phố Hà Nội	Vốn 2018 kéo dài còn 41,819 tỷ đồng. Hiện đã lựa chọn nhà thầu nhưng chưa có mặt bằng để khởi công nên giảm vốn
7	Nâng cấp, cải tạo QL21B đoạn qua thị trấn Kim Bài (Km10+350 - Km13+200) kết hợp xây dựng quảng trường, công viên cây xanh, huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2016-2020	3,8Km x24m	7275/QĐ_UBND ngày 20/10/2016	265.831	240.000	120.000	120.000		-40.000	-40.000		80.000		UBND huyện Thanh Oai	Dự án còn vốn KH2018 kéo dài (8,4 tỷ đồng). Chậm GPMB
c)	Dự án khởi công mới năm 2019		1	1					292.376	62.000	85.176	161.000	2.172	-42.000	-42.000		119.000			
8	Xây dựng tuyến đường Phan Kế Bính theo quy hoạch (đoạn Linh Lang - Liễu Giai)			1	Ba Đình	2018-2019	L=370,25m; B=30m	5208/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	72.891	62.000	176	62.000		-12.000	-12.000		50.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT thành phố Hà Nội	Đang thiết kế BVTC - DT; chậm GPMB

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Định điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được duyệt	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KII 2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 01/4/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
9	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh khu đất dự án đầu tư xây dựng bệnh viện và Trung tâm thương mại tại phường Dương Nội, quận Hà Đông		1		Hà Đông, Nam Từ Liêm	2018-2020	L=1,8Km, B=27m-40m	3691/QĐ-UBND ngày 20/7/2018	219.485		85.000	99.000	2.172	-30.000	-30.000		69.000		UBND quận Hà Đông	KH 2018 kéo dài còn 56,898 tỷ đồng. Dự án vướng GPMB, chưa hoàn thành công tác thiết kế, chưa đầu thầu nên giảm vốn
A.2	Dự án tăng vốn		3						864.473	565.000		60.000	3.023	90.000	90.000		150.000			
I	Lĩnh vực giao thông		3						864.473	565.000		60.000	3.023	90.000	90.000		150.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2019		3						864.473	565.000		60.000	3.023	90.000	90.000		150.000			
10	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Dương Xá - Đông Dư đến ga Phú Thị		1		Gia Lâm	2019-2020	- Chiều dài tuyến 1,6 km; B= 30m	9011/QĐ-UBND 31/10/2018	198.138	170.000		5.000	978	35.000	35.000		40.000		UBND huyện Gia Lâm	Đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà thầu xây lắp
11	Xây dựng đường đê tả Đuống theo quy hoạch đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phú Đồng		1		Gia Lâm	2019-2020	L=5,44 km; Đường mặt đê Bmđ=7m; Đường gom B=13.5m	9008/QĐ-UBND 31/10/2018	511.247	255.000		5.000	2.045	35.000	35.000		40.000		UBND huyện Gia Lâm	Đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà thầu xây lắp
12	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427 đoạn từ QL21 B đến nút giao Khê Hồi (đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2018-2020	L=2,65Km, B=22,5-38m	5951/QĐ-UBND 31/10/2018	155.088	140.000		50.000		20.000	20.000		70.000		UBND huyện Thường Tín	Số vốn kế hoạch năm 2019 đã giao để thực hiện chỉ trả GPMB; bố trí bổ sung vốn để triển khai thi công (dự kiến khởi công công trình tháng 5/2019)
B	Dự án bổ sung danh mục và kế hoạch vốn năm 2019		16	10					4.901.037	1.883.449	1.379.219			623.300	291.000	332.300	623.300	15		
B.1	Dự án đã trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020		15	8					4.578.409	1.883.449	1.122.383			598.300	266.000	332.300	598.300	12		
I	Lĩnh vực công nghệ thông tin		1						99.608	800	29.632			1.300	1.300		1.300	1		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						99.608	800	29.632			1.300	1.300		1.300	1		

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được duyệt	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 01/4/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
13	Dự án Xây dựng Hệ thống Hợp trục tuyến phục vụ công tác quản lý, điều hành của Thành phố - giai đoạn 3		1		573 xã, phường, thị trấn	2013-2019	Đầu tư thiết bị đầu cuối	4519/QĐ-UBND ngày 29/7/2013, 6222/QĐ-UBND ngày 14/11/2018	99.608	800	29.632			1.300	1.300		1.300	1	Văn phòng UBND Thành phố	Bổ sung vốn thanh toán chi phí QLDA, chi phí tư vấn, chi khác theo đề nghị của chủ đầu tư tại văn bản số 1577/VP-THCB ngày 27/02/2019.
II	Lĩnh vực quốc phòng		1						100.000	50.000				40.000		40.000	40.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2019		1						100.000	50.000				40.000		40.000	40.000			
14	Tổng trạm thông tin Sở chỉ huy thống nhất số 02 thành phố Hà Nội (Mật danh: STN.02.4)		1		Mỹ Đức	2019-2020	23.7 ha	403/QĐ-UBND 10/12/2018	100.000	50.000				40.000		40.000	40.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	Đề xuất bố trí vốn năm 2019 để đẩy nhanh tiến độ thực hiện
III	Lĩnh vực an ninh			1					9.278	6.300				6.300		6.300	6.300	1		
a)	Dự án khởi công mới năm 2019			1					9.278	6.300				6.300		6.300	6.300	1		
15	Xây dựng trụ sở làm việc Đồn công an Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất thuộc Công an Thành phố Hà Nội			1	Thạch Thất	2018-2019	666 m2 sàn XD+TB+phụ trợ	6554/QĐ-UBND ngày 03/12/2018	9.278	6.300				6.300		6.300	6.300	1	Ban QLDA ĐTXD công trình VHXH Thành phố	Dự án đã đủ thủ tục, bố trí vốn để triển khai thực hiện.
IV	Lĩnh vực y tế		1						457.457	135.000	363.383			4.500	4.500		4.500	1		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						457.457	135.000	363.383			4.500	4.500		4.500	1		
16	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa Mê Linh		1		Mê Linh	2013-2017	200 giường bệnh	4147/QĐ-UBND 20/9/2012; 6651/UBND-KGVX ngày 30/12/2017	457.457	135.000	363.383			4.500	4.500		4.500	1	UBND huyện Mê Linh	Bổ sung vốn để thanh toán hạng mục mua sắm thiết bị y tế chuyên khoa xét nghiệm, huyết học, giải phẫu bệnh.
V	Lĩnh vực giao thông		6	2					2.363.661	884.700	319.135			299.500	73.500	226.000	299.500	2		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1	1					419.156	126.200	318.597			23.500	23.500		23.500	2		
17	Xây dựng đường 35 huyện Mê Linh từ Đại Thịnh đến Quang Minh (giai đoạn 1: GPMB và xây dựng đường giao thông)		1		Mê Linh	Hoàn thành năm 2019	L=6.128,8; mặt cắt ngang B=24-36m	6070/QĐ-UBND ngày 27/12/2011, 6751/QĐ-UBND ngày 11/12/2018	296.463	92.000	218.186			20.000	20.000		20.000	1	UBND huyện Mê Linh	Kế hoạch vốn năm 2017 không giải ngân hết bị hủy bỏ là 20.734 triệu đồng. Dự án được UBND Thành phố phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 6751/QĐ-UBND ngày 11/12/2018. Năm 2019, bố trí (cấp bù) kinh phí để hoàn thành dự án.

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được duyệt	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KII 2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 01/4/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
18	Dự án xây dựng công trình đường trục phát triển thị xã Sơn Tây, lý trình Km13+740,6 đến Km14+704			1	Sơn Tây	2013-2018	963,6mx40m	1481/QĐ-UBND 24/8/2006; 171/QĐ-UBND 09/01/2012; 523/QĐ-UBND 21/9/2017; 6333/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	122.693	34.200	100.411			3.500	3.500		3.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	Kế hoạch vốn năm 2017 không giải ngân hết bị hủy bỏ là 7.139 triệu đồng. Năm 2019, bố trí (cấp bù) kinh phí để hoàn thành dự án.
b)	Dự án khởi công mới năm 2019		5	1					1.944.505	758.500	538			276.000	50.000	226.000	276.000			
19	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phú Đồng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2019-2020	L=2,6 km; B=40m	9013/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	380.108	50.000				50.000	50.000		50.000		UBND huyện Gia Lâm	Dự án đã đủ thủ tục, bố trí vốn để triển khai thực hiện.
20	Dự án Cải tạo, mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp và công hóa thành đường kín tuyến đường Nguyễn Cơ Thạch đến hết đường Đỗ Xuân Hợp		1		Nam Từ Liêm	2019-2021	L=1,1 km; B=30m	878/QĐ-UBND ngày 08/3/2019	416.870	208.000				70.000		70.000	70.000		UBND quận Nam Từ Liêm	Dự án phục vụ Giải đua công thức 1. Thành phố chỉ đạo bố trí vốn tại Thông báo số 33/TB-UBND ngày 09/01/2019
21	Dự án Công hóa thành đường kín để làm đường giao thông tuyến đường Đồng Bông		1		Nam Từ Liêm	2019-2021	L=995m;	879/QĐ-UBND ngày 08/3/2019	223.882	112.000				50.000		50.000	50.000		UBND quận Nam Từ Liêm	Dự án phục vụ Giải đua công thức 1. Thành phố chỉ đạo bố trí vốn tại Thông báo số 33/TB-UBND ngày 09/01/2019
22	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ trên đường Võ Nguyên Giáp tại khu vực Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn			1	Sóc Sơn	2019	L=75,7m; B=3,4m	529/QĐ-UBND ngày 28/01/2019	17.442	18.500				6.000		6.000	6.000		Ban QLDA ĐTXT CTGT Thành phố	Dự án đã đủ thủ tục, bố trí vốn để triển khai thực hiện.
23	Mở rộng QL1A đoạn Km189 đến Km194 qua địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội		1		Thường Tín	2019-2020	L=5Km, 1/2 mặt cắt: B=13m;- 20,5m	1503/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	247.268	70.000				40.000		40.000	40.000		UBND huyện Thường Tín	
24	Xây dựng đường nối từ Khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn với đường Võ Nguyên Giáp		1		Sóc Sơn	2019-2021	L=3,65km; B=40-50m	1383/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	658.935	300.000	538			60.000		60.000	60.000		UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được duyệt	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 01/4/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
VI	Lĩnh vực thủy lợi		1	4					259.868	200.000	192.067			38.700	38.700		38.700	5		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1	4					259.868	200.000	192.067			38.700	38.700		38.700	5		
25	Cứng hoá mặt kênh kết hợp làm đường giao thông đoạn kênh Từ Vân đến Kiều Thụy, huyện Thường Tín			1	Thường Tín	2016-2019	3.216m	315/QĐ-KHĐT ngày 31/10/2012, 402/QĐ-KHĐT ngày 27/11/2013, 334/QĐ-UBND ngày 14/01/2019	47.007	42.000	32.648			12.000	12.000		12.000	1	UBND huyện Thường Tín	Kế hoạch vốn năm 2017 không giải ngân hết bị hủy bỏ là 10.352 triệu đồng. Năm 2019, bổ trí (cấp bù) và bổ sung kinh phí để hoàn thành dự án. UBND Thành phố chỉ đạo việc bổ trí vốn tại văn bản số 863/UBND-KH&ĐT ngày 05/3/2019
26	Cải tạo, nâng cấp bờ hữu sông Nhuệ kết hợp giao thông huyện Thanh Oai			1	Thanh Oai	2013-2018	6.094m, b/s kê mái đoạn 1 tuyến 1: 910m; cống tiêu nước	8915/QĐ-UBND ngày 26/12/2017	58.958	54.000	45.921			8.600	8.600		8.600	1	UBND huyện Thanh Oai	Dự án đã thực hiện đến nay cơ bản hoàn thành. Kế hoạch vốn năm 2017 không giải ngân hết bị hủy bỏ là 5.300 triệu đồng. Năm 2019, bổ trí (cấp bù) và bổ sung kinh phí để hoàn thành dự án.
27	Kiên cố hoá kênh N1 (kênh A trạm bơm Vân Đình) và cứng hoá kênh kết hợp phát triển giao thông nội đồng huyện Ứng Hoà.			1	Ứng Hòa	2016-2018	6.422m	336/QĐ-KH&ĐT ngày 26/10/2011	48.794	46.000	40.383			6.600	6.600		6.600	1	UBND huyện Ứng Hòa	Dự án đã thực hiện đến nay cơ bản hoàn thành. Kế hoạch vốn năm 2017 không giải ngân hết bị hủy bỏ là 6.616 triệu đồng. Năm 2019, bổ trí (cấp bù) kinh phí để hoàn thành dự án.
28	Kê chống sạt lở bờ tả sông đáy xã Hồng Quang huyện Ứng Hoà.			1	Ứng Hòa	2016-2018	959,35m	293/QĐ-KH&ĐT ngày 24/10/2012	18.372	16.000	9.927			6.000	6.000		6.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Dự án đã thực hiện đến nay cơ bản hoàn thành.
29	Nạo vét kênh Đầm Vả, xã Tiền Phong		1		Mê Linh	2013-2018	Nạo vét 7,8km kênh và xây dựng các công trình trên kênh	5088/QĐ-UBND ngày 28/10/2011; 784/QĐ-UBND ngày 13/2/2018	86.737	42.000	63.188			5.500	5.500		5.500	1	UBND huyện Mê Linh	Dự án đã thực hiện đến nay cơ bản hoàn thành. Kế hoạch vốn năm 2017 không giải ngân hết bị hủy bỏ là 5.813 triệu đồng. Năm 2019, bổ trí (cấp bù) kinh phí để hoàn thành dự án.
VII	Lĩnh vực đề điều		1	1					172.706	100.649	163.700			6.800	6.800		6.800	2		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1	1					172.706	100.649	163.700			6.800	6.800		6.800	2		
30	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực Đan Thê - Tòng Bạt, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2012-2018	1.080m	2051/QĐ-SNN ngày 29/8/2012; 8948/QĐ-SNN ngày 27/12/2017	44.448	15.000	40.200			3.200	3.200		3.200	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Bổ sung kế hoạch vốn theo TMDT điều chỉnh để hoàn thành dự án

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được duyệt	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 01/4/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
31	Nâng cấp tuyến đê hữu Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội (đoạn từ K2+030 đến K8+800 đê Vân Cốc, huyện Phúc Thọ, huyện Đan Phượng)		1		Phúc Thọ, Đan Phượng	2013-2018	6.542m	494/QĐ-UBND ngày 30/01/2015, 4960/QĐ-UBND ngày 19/09/2018	128.258	85.649	123.500			3.600	3.600		3.600	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	UBND TP đã phê duyệt điều chỉnh dự án với TMDT là 128.258 trđ. Đề nghị bổ sung vốn cho dự án để thanh toán GPMB
VIII	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật tái định cư		3						456.473	406.000	54.466			141.200	141.200		141.200			
a)	Dự án khởi công mới năm 2019		3						456.473	406.000	54.466			141.200	141.200		141.200			
32	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCT Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCT Sóc Sơn)		1		xã Hồng Kỳ, Sóc Sơn	2018-2019	75,8ha	8799/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	89.756	80.000	26.277			50.000	50.000		50.000		UBND huyện Sóc Sơn	Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức phê duyệt lại dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công và hoàn trả vốn quỹ đất đã ứng (25 tỷ đồng)
33	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Nam Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCT Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCT Sóc Sơn)		1		xã Nam Sơn, Sóc Sơn	2018-2019	9,2 ha	8800/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	121.000	106.000	26.689			61.200	61.200		61.200		UBND huyện Sóc Sơn	Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức phê duyệt lại dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công và hoàn trả vốn quỹ đất đã ứng (25 tỷ đồng)
34	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Bắc Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCT Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCT Sóc Sơn)		1		xã Bắc Sơn, Sóc Sơn	2018-2020	19,5 ha	9815/QĐ-UBND ngày 15/12/2017	245.717	220.000	1.500			30.000	30.000		30.000		UBND huyện Sóc Sơn	Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức phê duyệt lại dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được duyệt	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Giải ngân kế hoạch 2019 đến 01/4/2019	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:					
															Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
IX	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đăng, đoàn thể		1						659.358	100.000				60.000		60.000	60.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2019		1						659.358	100.000				60.000		60.000	60.000			
35	Khu liên cơ quan Văn Hồ		1		Q. Hai Bà Trưng	2018-2020	6 tầng; S=3.613m2	1547/QĐ-UBND ngày 01/4/2019	659.358	100.000				60.000		60.000	60.000		Ban QLDA ĐTXD CT dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội	
B2	Dự án chưa trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn cần bổ sung và bố trí vốn năm 2019 để thực hiện		1	2					322.628		256.836			25.000	25.000		25.000	3		
I	Lĩnh vực văn hóa			1					24.413		16.582			6.000	6.000		6.000	1		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			1					24.413		16.582			6.000	6.000		6.000	1		
36	Cải tạo, sửa chữa Nhà hát ca múa nhạc Thăng Long			1	Hoàn Kiếm	2014-2017	5 tầng, 2 tầng biểu diễn	1199/QĐ-VHTT&DL ngày 27/10/2010; 2901/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	24.413		16.582			6.000	6.000		6.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội thành phố Hà Nội	Dự án đã cơ bản hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2015. Bố trí vốn để thực hiện các công việc bổ sung theo QĐ điều chỉnh dự án số 2901/QĐ-UBND ngày 22/5/2017
II	Lĩnh vực giao thông			1					218.649		178.670			9.000	9.000		9.000	1		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			1					218.649		178.670			9.000	9.000		9.000	1		
37	Xây dựng tuyến đường từ Trường Đại học Mỏ địa chất ra đường Phạm Văn Đồng			1	Từ Liêm	2006-2016	1934mx(30-40)m	2418/QĐ-UB 29/4/2005; 4229/QĐ-UBND 14/8/2014; 899/QĐ-UBND ngày 23/2/2016	218.649		178.670			9.000	9.000		9.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	GPMB 03 phương án tồn đọng, thi công hoàn thành công trình
III	Lĩnh vực khác		1						79.566		61.584			10.000	10.000		10.000	1		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			1					79.566		61.584			10.000	10.000		10.000	1		
38	Xây dựng Trường trung cấp nghề số 1 Hà Nội (giai đoạn 2)		1		Phú Xuyên	2008-2017		2003/QĐ-UBND ngày 31/10/2007; 4939/QĐ-UBND ngày 08/9/2016	79.566		61.584			10.000	10.000		10.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội thành phố Hà Nội	Bổ sung vốn để triển khai những hạng mục cuối cùng theo quy mô, tổng mức đầu tư được UBND Thành phố phê duyệt điều chỉnh tại QĐ 4939 ngày 08/9/2016

Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019 CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Báo cáo số: **102** /BC-UBND ngày **05**/4/2019 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG		1						603.367	255.000			100.000	100.000			
A	Dự án bổ sung danh mục và kế hoạch vốn năm 2019		1						603.367	255.000			100.000	100.000			
A.1	Dự án đã trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020		1						603.367	255.000			100.000	100.000			
I	Lĩnh vực giao thông		1						603.367	255.000			100.000	100.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2019		1						603.367	255.000			100.000	100.000			
1	Xây dựng tuyến đường từ đường Vũ Quỳnh đến đường Lê Đức Thọ - Phạm Hùng (đoạn sau khu Trung tâm thể thao dưới nước);		1		Nam Từ Liêm	2019-2020	L=2,6 km; B=40m	5164/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	603.367	255.000			100.000	100.000		UBND quận Nam Từ Liêm	Quận bố trí 50 tỷ đồng

Phụ lục 4

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019 CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP

(Kèm theo Báo cáo số: **102** /BC-UBND ngày **05/4/2019** của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2018	Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG			1					52.722		22.664		13.000	13.000	1		
A	Dự án bổ sung danh mục và kế hoạch vốn năm 2019			1					52.722		22.664		13.000	13.000	1		
A.1	Dự án đã trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020			1					52.722		22.664		13.000	13.000	1		
I	Lĩnh vực giao thông			1					52722		22664		13000	13000	1		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			1					52722		22664		13000	13000	1		
1	Xây dựng tuyến đường số 1 vào trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây			1	Tây Hồ	2015-2019	L=627,74m; B=50m	2147/QĐ-UBND ngày 14/5/2010; 5675/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	52.722		22.664		13.000	13.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTDD&CN Thành phố	Năm 2019, Công ty THT đã thực hiện cam kết ủng hộ ngân sách Thành phố số tiền 13 tỷ đồng để thực hiện xây dựng tuyến đường này.

Phụ lục 5

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ ĐẶC THÙ CHO MỘT SỐ HUYỆN ĐẦU TƯ NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: *102* /BC-UBND ngày *05/4/2019* của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019	Kế hoạch vốn NSTP hỗ trợ năm 2019 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS huyện	Tổng số	Trong đó vốn NS huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG			1					53.507	28.500	500				500	500			
A.1	Dự án đã trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020			1					53.507	28.500	500				500	500			
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang thôn Lai Sơn, xã Bắc Sơn			1	Bắc Sơn	2019-2021	1,78ha	3588/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	53.507	28.500	500				500	500		UBND huyện Sóc Sơn	Bố trí vốn thực hiện công tác chuẩn bị thực hiện dự án (thiết kế - dự toán; tư vấn đấu thầu,...)

Phụ lục 6

BIỂU KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ NĂM 2019 CÁC DỰ ÁN THEO THÔNG BÁO LÀM VIỆC VÀ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA THÀNH PHỐ TRONG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: 102/BC-UBND ngày 05/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG		8	126					3.135.100	2.501.700	48.625	13.175	104.600	20.000		1.731.300	1.626.700	88		
1	Lĩnh vực trường học		8	98					2.713.282	2.121.500	48.625	13.175	104.600	20.000		1.465.600	1.361.000	66		
2	Lĩnh vực giao thông			12					277.596	249.500						159.500	159.500	8		
3	Lĩnh vực y tế			10					55.952	51.700						51.700	51.700	10		
4	Lĩnh vực văn hóa			4					67.493	60.500						36.000	36.000	2		
5	Lĩnh vực khác			2					20.778	18.500						18.500	18.500	2		
I	Huyện Ba Vì			12					212.668	162.700						116.200	116.200	6		NQ 08 là 35 dự án, 2019 - 2020
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019			12					212.668	162.700						116.200	116.200	6		Thành phố hỗ trợ 804,9 tỷ đồng
*	Lĩnh vực trường học			11					182.668	135.700						103.200	103.200	6		
1	Trường Mầm non Đồng Thái			1	xã Đồng Thái	2019-2020	4 phòng học lý thuyết, cải tạo nhà hiệu bộ, phụ trợ, thiết bị	442/QĐ-UBND 06/3/2019	12.930	11.500						11.500	11.500	1	UBND huyện Ba Vì	Tại NQ 08 tên dự án là Mầm non Đồng Thái
2	Trường Mầm non 1-6			1	thị trấn Tây Đằng	2019-2020	6 phòng học lý thuyết, cải tạo nhà hiệu bộ và nhà lớp học cũ, phụ trợ, thiết bị	447/QĐ-UBND 07/3/2019	14.998	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Trường mầm non Tiên Phong			1	xã Tiên Phong	2018-2020	14 phòng học lý thuyết, nhà bếp, nhà hiệu bộ và cải tạo nhà lớp học cũ, phụ trợ, thiết bị	2847/QĐ-UBND 30/10/2018	37.998	16.500						9.000	9.000		UBND huyện Ba Vì	Tại NQ 08 tên dự án là Mầm non Tiên Phong
4	Trường Tiểu học Châu Sơn			1	xã Châu Sơn	2019-2020	04 phòng học bộ môn và nhà hiệu bộ, cải tạo nhà lớp học cũ, phụ trợ, thiết bị	446/QĐ-UBND 07/3/2019	13.600	12.500						12.500	12.500	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Trường Tiểu học Tiên Phong, xã Tiên Phong			1	xã Tiên Phong	2019-2020	15 phòng học lý thuyết, 04 phòng học bộ môn, cải tạo nhà hiệu bộ và nhà lớp học cũ, phụ trợ	445/QĐ-UBND 06/3/2019	17.670	16.000						9.000	9.000		UBND huyện Ba Vì	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
6	Trường Tiểu học Tổng Bạt			1	xã Tổng Bạt	2019-2020	06 phòng học lý thuyết, 03 phòng học bộ môn, nhà hiệu bộ, cải tạo nhà lớp học cũ, phụ trợ	453/QĐ-UBND 08/3/2019	14.982	7.200						7.200	7.200		UBND huyện Ba Vì	Phần còn lại thuộc trách nhiệm của huyện Ba Vì
7	Trường Tiểu học Tân Hồng			1	xã Tân Hồng	2019-2020	08 phòng học lý thuyết, 04 phòng học bộ môn, cải tạo nhà hiệu bộ và nhà lớp học cũ, phụ trợ	444/QĐ-UBND 06/3/2019	19.780	18.000						9.000	9.000		UBND huyện Ba Vì	
8	Trường THCS Tiên Phong			1	xã Tiên Phong	2019-2020	4 phòng học lý thuyết, 07 phòng học bộ môn, cải tạo nhà hiệu bộ, phụ trợ, thiết bị	443/QĐ-UBND 06/3/2019	19.100	17.000						8.000	8.000		UBND huyện Ba Vì	
9	Trường THCS Tổng Bạt			1	xã Tổng Bạt	2019-2020	5 phòng học lý thuyết, 07 phòng học bộ môn, phụ trợ, thiết bị	451/QĐ-UBND 08/3/2019	14.980	8.500						8.500	8.500	1	UBND huyện Ba Vì	
10	Trường THCS Cẩm Lĩnh			1	xã Cẩm Lĩnh	2019-2020	nhà hiệu bộ, cải tạo nhà lớp học, phụ trợ, thiết bị	450/QĐ-UBND 07/3/2019	7.180	6.500						6.500	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	
11	Trường THCS Đồng Thái			1	xã Đồng Thái	2019-2020	04 phòng học lý thuyết, 04 phòng học bộ môn, cải tạo nhà hiệu bộ, phụ trợ, thiết bị	452/QĐ-UBND 08/3/2019	9.450	8.500						8.500	8.500	1	UBND huyện Ba Vì	
*	Lĩnh vực giao thông			1					30.000	27.000						13.000	13.000			
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ khu di tích K9 đến xã Thuần Mỹ			1	xã Thuần Mỹ	2019-2020	tổng chiều dài đường 5,3Km; mặt đường bê tông xi măng	483/QĐ-UBND 12/3/2019	30.000	27.000						13.000	13.000		UBND huyện Ba Vì	
II	Huyện Chương Mỹ			20					164.223	157.200						143.700	143.700	19		NQ 08 là 34 dự án, 2019 - 2020 Thành phố hỗ trợ 505,2 tỷ đồng
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019			20					164.223	157.200						143.700	143.700	19		
*	Lĩnh vực trường học			2					35.593	32.500						24.500	24.500	1		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội dung thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Trường tiểu học Đồng Lạc			1	Xã Đồng Lạc	2019-2021	Cải tạo 14 phòng học; Xây mới nhà học chức năng 3 tầng; Các hạng mục phụ trợ; Trang thiết bị phòng học, nhà hiệu bộ	8127/QĐ-UBND 20/3/2019	18.963	17.000						9.000	9.000		UBND huyện Chương Mỹ	
2	Trường THCS Đại Yên			1	Xã Đại Yên	2019-2021	Cải tạo nhà hiệu bộ; Cải tạo nhà lớp học; Xây mới nhà lớp học bộ môn 1 tầng 4 phòng; Các hạng mục phụ trợ; trang thiết bị học đường.	1766/QĐ-UBND 19/3/2019	16.630	15.500						15.500	15.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
*	Lĩnh vực giao thông			6					60.606	62.000						56.500	56.500	6		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào nhà máy xử lý rác thải Núi Thooang			1	Tân Tiến	2019-2021	- Tổng chiều dài 1154 m	8119/QĐ-UBND 20/3/2019	14.902	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Đường giao thông các thôn Hạnh Côn, Việt An, Phương Hạnh, Tiến Tiên, Gò Chè, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ			1	xã Tân Tiến	2019-2021	- Bao gồm 05 tuyến, Tổng chiều dài các tuyến là 6004,19m.	8120/QĐ-UBND 20/3/2019	14.189	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Đường giao thông các thôn Gò Cáo, Xuân Long, Xóm 4, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ.			1	Xã Thủy Xuân Tiên	2019-2021	- Bao gồm 06 tuyến, Tổng chiều dài các tuyến là 2919,08m	8121/QĐ-UBND 20/3/2019	9.730	9.000						9.000	9.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Gò Cú đến đường Hồ Chí Minh, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ			1	Xã Tân Tiến	2019-2021	- Tổng chiều dài khoảng 1200 m	8122/QĐ-UBND 20/3/2019	4.373	5.000						4.000	4.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ thôn Gò Cáo, xã Thủy Xuân Tiên đi đê Hữu Búi và đoạn từ nhà văn hóa thôn Xuân Linh đến đường Hồ Chí Minh			1	Xã Thủy Xuân Tiên	2019-2021	- Tổng chiều dài khoảng 2920 m	8123/QĐ-UBND 20/3/2019	10.644	13.500						10.000	10.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ nhà văn hóa thôn Xuân Long, xã Thủy Xuân Tiên đến đường Hồ Chí Minh			1	Xã Thủy Xuân Tiên	2019-2021	- Tổng chiều dài khoảng 1000,6 m	8124/QĐ-UBND 20/3/2019	6.768	7.500						6.500	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
*	Lĩnh vực y tế			10					55.952	51.700						51.700	51.700	10		
1	Trạm y tế xã Trường Yên			1	Xã Trường Yên	2019-2021	- Xây mới nhà khám bệnh 2 tầng tổng diện tích 483 m2. - Cải tạo nhà 1 tầng, các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị y tế và văn phòng.	1761/QĐ-UBND 19/3/2019	7.142	6.500						6.500	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Trạm y tế xã Đồng Phú			1	Xã Đồng Phú	2019-2021	Xây mới nhà khám 2 tầng diện tích 500m2 và các hạng mục phụ trợ và bổ sung thiết bị y tế	1762/QĐ-UBND 19/3/2019	8.623	8.000						8.000	8.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Trạm y tế xã Mỹ Lương			1	Xã Mỹ Lương	2019-2021	Xây mới nhà khám bệnh 2 tầng diện tích 483 m2; Cải tạo nhà 1 tầng; Các hạng mục phụ trợ.	1763/QĐ-UBND 19/3/2019	7.390	7.000						7.000	7.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Trạm y tế xã Đông Phương Yên			1	Xã Đông Phương Yên	2019-2021	Xây mới nhà làm việc 2 tầng; Cải tạo nhà làm việc 1 tầng; Cải tạo nhà hội trường 1 tầng và các hạng mục phụ trợ.	1764/QĐ-UBND 19/3/2019	3.677	3.500						3.500	3.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Trạm y tế xã Nam Phương Tiến			1	Xã Nam Phương Tiến	2019-2021	Xây mới nhà khám bệnh 2 tầng; Cải tạo nhà khám bệnh 2 tầng; Các hạng mục phụ trợ; Trang thiết bị y tế.	1765/QĐ-UBND 19/3/2019	3.019	2.800						2.800	2.800	1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Trạm y tế xã Tân Tiến			1	Xã Tân Tiến	2019-2021	Cải tạo khối nhà 2 tầng diện tích 288m2; Xây dựng khối nhà khám và hành chính 2 tầng diện tích 380m2 và các hạng mục phụ trợ, bổ sung thiết bị y tế	1767/QĐ-UBND 19/3/2019	6.414	5.800						5.800	5.800	1	UBND huyện Chương Mỹ	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội dung thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
7	Trạm y tế xã Thủy Xuân Tiên			1	Xã Thủy Xuân Tiên	2019-2021	Cải tạo khối nhà làm việc 2 tầng; Cải tạo khối nhà 1 tầng; Xây dựng các hạng mục phụ trợ, trang thiết bị y tế	1768/QĐ-UBND 19/3/2019	3.268	3.300						3.300	3.300	1	UBND huyện Chương Mỹ	
8	Trạm y tế xã Trần Phú			1	Xã Trần Phú	2019-2021	Xây mới nhà khám bệnh 2 tầng; Cải tạo nhà 1 tầng; Các hạng mục phụ trợ; Trang thiết bị y tế.	1769/QĐ-UBND 19/3/2019	7.472	6.800						6.800	6.800	1	UBND huyện Chương Mỹ	
9	Trạm y tế xã Đồng Lạc			1	Xã Đồng Lạc	2019-2021	Cải tạo khối nhà 2 tầng; Xây mới nhà 2 tầng diện tích 435,6 m2; Các hạng mục phụ trợ.	1770/QĐ-UBND 19/3/2019	4.063	3.500						3.500	3.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
10	Trạm y tế xã Tiên Phương			1	Tiên Phương	2019-2021	Cải tạo nhà 2 tầng; Xây mới nhà 2 tầng diện tích 270 m2; Các hạng mục phụ trợ.	8118/QĐ-UBND 20/3/2019	4.883	4.500						4.500	4.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
*	Lĩnh vực văn hóa			2					12.071	11.000						11.000	11.000	2		
1	Nhà văn hóa thôn Việt An, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ			1	Xã Tân Tiến	2019-2021	- Nhà văn hóa 1 tầng diện tích 227 m2 và các hạng mục phụ trợ, thiết bị.	8125/QĐ-UBND 20/3/2019	3.977	3.500						3.500	3.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Nhà văn hóa các thôn Gò Cáo và Xuân Long, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ			1	Xã Thủy Xuân Tiên	2019-2021	- Gồm 02 nhà văn hóa mỗi nhà văn hóa rộng 227m2 và các hạng mục phụ trợ, thiết bị.	8126/QĐ-UBND 20/3/2019	8.094	7.500						7.500	7.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
III	Huyện Đan Phượng		3						263.162	133.000			25.000			54.500	29.500			NQ 08 là 03 dự án, 2019 - 2020 Thành phố hỗ trợ 133 tỷ đồng
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019		3						263.162	133.000			25.000			54.500	29.500			
*	Lĩnh vực trường học		3						263.162	133.000			25.000			54.500	29.500			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Trường THCS Thọ An, huyện Đan Phượng		1		Xã Thọ An	2018-2020	Xây dựng 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ	4684/QĐ-UBND 30/10/2018	78.234	45.000			9.000			16.000	7.000		UBND huyện Đan Phượng	Ngân sách huyện đã bố trí KH 2019, Huyện đề nghị Thành phố hỗ trợ theo tiến độ dự án
2	Trường THCS Hồng Hà, huyện Đan Phượng		1		Xã Hồng Hà	2018-2020	Xây dựng 24 phòng học và các hạng mục phụ trợ	4685/QĐ-UBND 30/10/2018	89.267	40.000			8.000			20.000	12.000		UBND huyện Đan Phượng	
3	Trường Tiểu học Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng		1		Xã Thượng Mỗ	2018-2020	Xây dựng 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ	4686/QĐ-UBND 30/10/2018	95.661	48.000			8.000			18.500	10.500		UBND huyện Đan Phượng	
IV	Huyện Đông Anh		3	7					482.966	381.500	1.300		54.000			206.700	152.500	5		NQ 08 là 23 dự án, 2019 - 2020 Thành phố hỗ trợ 780 tỷ đồng
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019		3	7					482.966	381.500	1.300		54.000			206.700	152.500	5		
*	Lĩnh vực trường học		3	3					422.985	328.000	1.300		54.000			165.700	111.500	2		
1	Xây dựng trường THCS Đông Hội		1		Xã Đông Hội	2019-2020	Xây mới 36 nhóm lớp	2184/QĐ-UBND 15/5/2018	113.441	102.000	600		10.000			40.000	30.000		UBND huyện Đông Anh	
2	Xây dựng trường tiểu học Kim Chung 2		1		Xã Kim Chung	2018-2021	Xây mới 30 nhóm lớp	5887/QĐ-UBND 26/10/2018	107.770	90.000	200		10.000			40.000	30.000		UBND huyện Đông Anh	
3	Xây dựng trường THCS Kim Chung 2		1		Xã Kim Chung	2018-2021	Xây mới 32 nhóm lớp	6021/QĐ-UBND 31/10/2018; 1270/QĐ-UBND 12/3/2019	136.570	89.000	200		20.000			35.000	15.000		UBND huyện Đông Anh	
4	Xây dựng nhà học trường THCS Võng La, xã Võng La			1	Xã Võng La	2018-2020	Xây thêm 10 nhóm lớp	5846/QĐ-UBND 26/10/2018; 1270/QĐ-UBND 12/3/2019	36.239	20.500	100		14.000			24.000	10.000		UBND huyện Đông Anh	Tại NQ 08 tên dự án là Trường THCS Võng La
5	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Dục Tú			1	Xã Dục Tú	2019-2020	Cải tạo trên nền hiện trạng	5996/QĐ-UBND 31/10/2018; 1268/QĐ-UBND 12/3/2019	14.833	13.500	100					13.600	13.500	1	UBND huyện Đông Anh	Tại NQ 08 tên dự án là Trường Tiểu học Dục Tú

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bổ trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
6	Cải tạo, mở rộng trường THCS Uy Nỗ			1	Xã Uy Nỗ	2019-2020	Xây mới 02 khối nhà	5979/QĐ-UBND 31/10/2018; 1267/QĐ-UBND 12/3/2019	14.132	13.000	100					13.100	13.000	1	UBND huyện Đông Anh	Tại NQ 08 tên dự án là Trường THCS Uy Nỗ
*	Lĩnh vực giao thông			1					14.133	12.500						12.500	12.500	1		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn, thôn Hội Phụ (khớp nối HTKT khu trung tâm xã với điểm dân cư nông thôn thôn Hội Phụ)			1	Xã Đông Hội	2019-2020	Cải tạo	131A/QĐ-UBND 28/8/2018; 49/QĐ-UBND 09/3/2019	14.133	12.500						12.500	12.500	1	UBND huyện Đông Anh	Tại NQ 08 tên dự án là Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Hội Phụ (khớp nối HTKT khu trung tâm xã với điểm dân cư nông thôn thôn Hội Phụ)
*	Lĩnh vực văn hóa			1					25.070	22.500						10.000	10.000			
1	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao Khu nhà ở công nhân Kim Chung, huyện Đông Anh			1	Xã Kim Chung	2018-2020	Diện tích xây dựng: 3070 m2	7534/QĐ-UBND 30/10/2017	25.070	22.500						10.000	10.000		UBND huyện Đông Anh	Huyện đề nghị bổ trí đợt 1 là 10 tỷ đồng để GPMB
*	Lĩnh vực khác			2					20.778	18.500						18.500	18.500	2		
1	Xây dựng HTKT và cải tạo môi trường hồ trung tâm xã Đông Hội			1	Xã Đông Hội	2019-2020	Cải tạo	94 B/QĐ-UBND 09/7/2018; 48/QĐ-UBND 09/3/2019	14.455	13.000						13.000	13.000	1	UBND huyện Đông Anh	
2	Xây dựng HTKT và cải tạo môi trường ao chùa A Phái			1	Xã Đông Hội	2019-2020	Cải tạo	100A /QĐ-UBND 01/8/2018; 50/QĐ-UBND 9/3/2019	6.323	5.500						5.500	5.500	1	UBND huyện Đông Anh	
V	Huyện Hoài Đức	1	1						89.347	80.500						33.000	33.000			NQ 08 là 07 dự án, 2019 - 2020
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019	1	1						89.347	80.500						33.000	33.000			Thành phố hỗ trợ 223 tỷ đồng
*	Lĩnh vực trường học	1	1						89.347	80.500						33.000	33.000			
1	Xây dựng, mở rộng trường Tiểu học An Thượng A, xã An Thượng			1	xã An Thượng	2018-2020	Xây dựng khối nhà lớp học 03 tầng, hiệu bộ, khối nhà thể chất, bếp ăn 02 tầng	6265/QĐ-UBND 29/10/2018	42.328	38.000						15.000	15.000		UBND huyện Hoài Đức	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội dung thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lấy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	Trường mầm non Di Trạch 2		1		xã Di Trạch	2019-2020	Xây dựng 14 phòng học, hiệu bộ và các phòng chức năng, phụ trợ	6268/QĐ-UBND 29/10/2018	47.019	42.500						18.000	18.000		UBND huyện Hoài Đức	Nghị quyết 08 tên dự án là Trường mầm non Di Trạch B
VI	Huyện Mê Linh			8					148.982	116.500			1.600			92.900	91.500	5		NQ 08 là 10 dự án, 2019 - 2020 Thành phố hỗ trợ 167,5 tỷ đồng
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019			8					148.982	116.500			1.600			92.900	91.500	5		
*	Lĩnh vực trường học			8					148.982	116.500			1.600			92.900	91.500	5		
1	Cải tạo nâng cấp trường Tiểu học Vạn Yên, xã Vạn Yên, huyện Mê Linh			1	Xã Vạn Yên	2019-2020	Cải tạo các khối nhà lớp học, hiệu bộ, xây mới 1 nhà lớp học bộ môn 2 tầng, nhà cầu; các hạng mục phụ trợ.	531/QĐ-UBND 13/3/2019	17.169	17.000			200			10.200	10.000		UBND huyện Mê Linh	
2	Cải tạo nâng cấp trường Tiểu học Kim Hoa B, xã Kim Hoa huyện Mê Linh			1	Xã Kim Hoa	2019-2020	Xây mới nhà lớp học bộ môn, kết hợp với phòng chức năng, hành lang cầu, các hạng mục phụ trợ	532/QĐ-UBND 13/3/2019	14.573	13.500			200			13.700	13.500	1	UBND huyện Mê Linh	
3	Cải tạo nâng cấp trường Tiểu học Chi Đông, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh			1	Thị trấn Chi Đông	2019-2020	Cải tạo, nâng cấp các khối nhà lớp học, hiệu bộ, và phụ trợ	536/QĐ-UBND 14/3/2019	17.947	12.500			200			12.700	12.500	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách Huyện
4	Cải tạo nâng cấp trường tiểu học Tự Lập A, xã Tự Lập, huyện Mê Linh			1	Xã Tự Lập	2019-2020	Xây dựng mới nhà hiệu bộ, nhà lớp học, bộ môn; các hạng mục phụ trợ	530/QĐ-UBND 13/3/2019	19.830	18.000			200			10.000	10.000		UBND huyện Mê Linh	
5	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tiến Thịnh, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh			1	Xã Tiến Thịnh	2019-2020	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng; cải tạo nhà lớp học, nhà hiệu bộ; phụ trợ.	535/QĐ-UBND 14/3/2019	17.306	13.000			200			13.200	13.000	1	UBND huyện Mê Linh	Nghị quyết 08 tên dự án là Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tiến Thịnh B (do sát nhập 2 trường)
6	Trường tiểu học Thanh Lâm B, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (Hạng mục: Nhà hiệu bộ kết hợp các phòng học chức năng; nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ)			1	Xã Thanh Lâm	2019-2020	Xây dựng mới nhà hiệu bộ kết hợp phòng học, nhà giáo dục thể chất; cải tạo 10 phòng học	2827/QĐ-UBND 29/10/2018	22.811	20.000			200			10.200	10.000		UBND huyện Mê Linh	Tên tại NQ 08 tên dự án là Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Thanh Lâm B, huyện Mê Linh

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội dung thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
7	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tiến Thắng A, huyện Mê Linh			1	Xã Tiến Thắng	2019-2020	Cải tạo khối nhà lớp học, nhà đa năng; Xây mới nhà hiệu bộ 3 tầng; phụ trợ	537/QĐ-UBND 14/3/2019	19.825	11.500			200			11.700	11.500	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách huyện
8	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tiến Thắng B, huyện Mê Linh			1	Xã Tiến Thắng	2019-2020	Xây dựng nhà lớp học, Cải tạo nhà hiệu bộ; phá dỡ nhà lớp học 2 tầng; phụ trợ	538/QĐ-UBND 14/3/2019	19.521	11.000			200			11.200	11.000	1	UBND huyện Mê Linh	
VII	Huyện Mỹ Đức			12					225.155	201.000						140.500	140.500	7		NQ 08 là 13 dự án, 2019 - 2020 Thành phố hỗ trợ 261 tỷ đồng
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019			12					225.155	201.000						140.500	140.500	7		
*	Lĩnh vực trường học			12					225.155	201.000						140.500	140.500	7		
1	Xây dựng trường mầm non xã Đại Hưng			1	Xã Đại Hưng	2019-2020	Xây mới 18 phòng học, Nhà hiệu bộ + bộ môn, các hạng mục phụ trợ.	2236/QĐ-UBND 23/10/2014; 298/QĐ-UBND 30/01/2019	44.064	40.000						20.000	20.000		UBND huyện Mỹ Đức	
2	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Đồng Tâm			1	xã Đồng Tâm	2019-2020	Xây mới nhà lớp học + chức năng 3 tầng và các hạng mục phụ trợ.	255/QĐ-UBND 22/01/2019	20.069	18.000						10.000	10.000		UBND huyện Mỹ Đức	
3	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Đồng Tâm			1	xã Đồng Tâm	2019-2020	Xây nhà lớp học + chức năng 2 tầng tổng diện tích nhà 2409,24m2. Các hạng mục phụ trợ.	260/QĐ-UBND 23/01/2019	20.764	18.500						10.000	10.000		UBND huyện Mỹ Đức	
4	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Tế Tiêu			1	TT Đại Nghĩa	2019-2020	Xây mới nhà Hiệu bộ, phòng bộ môn 3 tầng. Cải tạo 10 phòng và các hạng mục phụ trợ.	269/QĐ-UBND 24/01/2019	10.847	9.500						9.500	9.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
5	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Bột Xuyên			1	xã Bột Xuyên	2019-2020	Sửa chữa cải tạo nhà hiệu bộ và nhà bộ môn, 14 phòng học và xây mới các hạng mục phụ trợ.	264/QĐ-UBND 23/01/2019	13.561	12.500						12.500	12.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
6	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Thượng Lâm			1	xã Thượng Lâm	2019-2020	Xây mới nhà lớp học + bộ môn 2 tầng và các hạng mục phụ trợ.	229/QĐ-UBND 18/01/2019	11.991	9.500						9.500	9.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội dung thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lấy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
7	Sửa chữa, cải tạo trường tiểu học Đại Hưng			1	xã Đại Hưng	2019-2020	Xây mới nhà hiệu bộ + phòng học bộ môn 3 tầng. Cải tạo nhà lớp học 2 tầng + nhà lớp học 3 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ.	222/QĐ-UBND 17/01/2019	13.392	12.000						12.000	12.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
8	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Đốc Tín			1	xã Đốc Tín	2019-2020	Xây mới nhà lớp học + bộ môn 3 tầng và các hạng mục phụ trợ.	277/QĐ-UBND 28/01/2019	9.648	8.500						8.500	8.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
9	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Tuy Lai B			1	xã Hồng Sơn	2019-2020	Xây mới nhà lớp học + hiệu bộ + phòng học bộ môn 3 tầng và các hạng mục phụ trợ.	266/QĐ-UBND 24/01/2019	14.913	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
10	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Tế Tiêu			1	TT Đại Nghĩa	2019-2020	Sửa chữa cải tạo nhà hiệu bộ và nhà bộ môn, 12 phòng học và hạng mục phụ trợ.	261/QĐ-UBND 23/01/2019	12.307	11.000						11.000	11.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
11	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Lê Thanh A			1	Xã Lê Thanh	2019-2020	Xây mới nhà hiệu bộ + phòng học bộ môn 3 tầng. Cải tạo 2 khối nhà lớp học 2 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ.	220/QĐ-UBND 17/01/2019	26.640	24.000						12.000	12.000		UBND huyện Mỹ Đức	
12	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Hồng Sơn			1	xã Hồng Sơn	2019-2020	Xây mới nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn. Cải tạo 16 phòng học. Xây mới các hạng mục phụ trợ.	224/QĐ-UBND 17/01/2019	26.959	24.000						12.000	12.000		UBND huyện Mỹ Đức	
VIII	Huyện Phú Xuyên			15					255.761	192.100						192.100	192.100	15		
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019			15					255.761	192.100						192.100	192.100	15		NQ 08 là 15 dự án, 2019 - 2020 Thành phố hỗ trợ 192,1 tỷ đồng
*	Lĩnh vực trường học			15					255.761	192.100						192.100	192.100	15		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội dung thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lấy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KII2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Tân Dân			1	xã Tân Dân	2019-2020	Xây mới nhà 2 tầng 6 phòng; nhà hiệu bộ 2 tầng; phụ trợ.	443a/QĐ-UBND 21/02/2019	19.648	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	Phần còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách Huyện
2	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Tân Dân			1	xã Tân Dân	2019-2020	xây mới lớp học+ bộ môn+ chức năng 3 tầng; xây mới nhà chức năng 2 tầng; phụ trợ	452a/QĐ-UBND 22/02/2019	14.739	12.000						12.000	12.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
3	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Quang Lãng			1	xã Quang Lãng	2019-2020	Xây nhà lớp học+ bộ môn 3 tầng, lát gạch sân, cổng. Cải tạo nhà lớp học; xây mới nhà để xe.	453a/QĐ-UBND 22/02/2019	19.357	10.000						10.000	10.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
4	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Bạch Hạ			1	xã Bạch Hạ	2019-2020	Xây mới nhà bộ môn+ chức năng 3 tầng.	456a/QĐ-UBND 25/02/2019	19.676	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
5	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Tri Trung			1	xã Tri Trung	2019-2020	Xây mới 8 phòng học, nhà hiệu bộ chức năng 2 tầng; phụ trợ	465a/QĐ-UBND 26/02/2019	19.901	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
6	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Văn Nhân			1	xã Văn Nhân	2019-2020	Xây mới hiệu bộ 2 tầng; xây mới lớp học+ bn 3 tầng; phụ trợ.	504a/QĐ-UBND 27/02/2019	19.946	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
7	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Minh Tân			1	xã Minh Tân	2019-2020	Cải tạo 2 nhà lớp học 2 tầng 10 phòng; cải tạo nhà lớp học cũ; Phụ trợ	518a/QĐ-UBND 28/02/2019	14.379	10.500						10.500	10.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
8	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Hồng Minh			1	xã Hồng Minh	2019-2020	Xây mới 6 phòng; xây mới nhà hiệu bộ chức năng 2 tầng; phụ trợ	528a/QĐ-UBND 04/03/2019	18.910	12.600						12.600	12.600	1	UBND huyện Phú Xuyên	
9	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Châu Can			1	xã Châu Can	2019-2020	Xây mới nhà lớp học +HB 3 tầng; cải tạo nhà hiệu bộ cũ, cải tạo sân, bể nước, cổng.	544a/QĐ-UBND 05/03/2019	19.983	12.500						12.500	12.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
10	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học thị trấn Phú Xuyên			1	xã Phú Xuyên	2019-2020	Xây mới nhà lớp học + chức năng 3 tầng; xây mới nhà lớp học 2 tầng 4 phòng; phụ trợ	540a/QĐ-UBND 04/03/2019	14.821	13.000						13.000	13.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
11	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Đại Xuyên			1	xã Đại Xuyên	2019-2020	Xây mới nhà lớp học bộ môn 3 tầng, cải tạo nhà lớp học 2 tầng 12 phòng; Phụ trợ	3028a/QĐ-UBND 18/10/2018	14.796	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
12	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Hoàng Long			1	xã Hoàng Long	2019-2020	Xây mới lớp học + bm 3 tầng; sân bê tông, nhà để xe, bể nước.	3172a/QĐ-UBND 26/10/2018	14.996	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
13	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Phương Dục			1	xã Phương Dục	2019-2020	Xây mới nhà hiệu bộ 2 tầng, xây mới nhà bộ môn 2 tầng, cải tạo 16 phòng, nhà chức năng 2 tầng; phụ trợ.	3101a/QĐ-UBND 22/10/2018	14.811	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
14	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Đại Thắng			1	xã Đại Thắng	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 3 tầng; cải tạo nhà HB+ Bộ môn, cải tạo nhà lớp học 2 tầng 4 phòng; phụ trợ.	3157a/QĐ-UBND 25/10/2018	14.802	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
15	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Hoàng Long			1	xã Hoàng Long	2019-2020	Xây mới nhà HB+ chức năng 2 tầng; xây mới nhà lớp học + bm 3 tầng; Cải tạo 6 phòng học.	3257a/QĐ-UBND 29/10/2018	14.996	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
IX	Huyện Phúc Thọ			1					44.706	17.000						10.000	10.000			
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019			1					44.706	17.000						10.000	10.000			NQ 08 là 12 dự án, 2019 - 2020 Thành phố hỗ trợ 175 tỷ đồng
*	Lĩnh vực trường học			1					44.706	17.000						10.000	10.000			
1	Trường mầm non Vông Xuyên A			1	xã Vông Xuyên	2019-2020	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng (nhà A); Nhà lớp học, hiệu bộ, bếp 3 tầng (nhà B) và các hạng mục phụ trợ khác	2806/QĐ-UBND 30/10/2018	44.706	17.000						10.000	10.000		UBND huyện Phúc Thọ	Vốn xỏ số kiến thiết hỗ trợ 23 tỷ đồng năm 2020
X	Huyện Quốc Oai			14					275.302	237.000						185.000	185.000	11		
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019			14					275.302	237.000						185.000	185.000	11		NQ 08 là 14 dự án, 2019 - 2020 Thành phố hỗ trợ 237 tỷ đồng
*	Lĩnh vực trường học			14					275.302	237.000						185.000	185.000	11		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội dung thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Trường tiểu học Tân Hòa, huyện Quốc Oai			1	Tân Hòa	2018-2020	Nhà lớp học 3T12P; nhà bộ môn 3 tầng; nhà hiệu bộ 3 tầng; các hạng mục phụ trợ	7999/QĐ-UBND 26/10/2017	42.810	38.500						20.000	20.000		UBND huyện Quốc Oai	Tại NQ 08 tên dự án là Đầu tư nâng cấp trường tiểu học Tân Hòa
2	Trường mầm non Phú Cát (điểm trường thôn Phú Sơn)			1	Phú Cát	2018-2020	Nhà lớp học 2T8P; Nhà hiệu bộ 2T; các hạng mục phụ trợ	8085/QĐ-UBND 30/10/2017	41.149	37.000						20.000	20.000		UBND huyện Quốc Oai	Tại NQ 08 tên dự án là Đầu tư nâng cấp Trường mầm non Phú Cát (điểm trường thôn Phú Sơn)
3	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học xã Đông Yên (điểm trường Trại Cầu), huyện Quốc Oai			1	Đông Yên	2018-2019	Nhà lớp học bộ môn và lớp học 02 tầng; nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	8157/QĐ-UBND 30/10/2017	14.511	13.000						13.000	13.000	1	UBND huyện Quốc Oai	Tại NQ 08 tên dự án là Đầu tư nâng cấp trường tiểu học Đông Yên, điểm trường trại cầu
4	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai			1	Liệp Tuyết	2019-2021	Nhà lớp học 3T kết hợp với nhà chức năng, cải tạo nhà lớp học 2T và các hạng mục phụ trợ	5086/QĐ-UBND 29/10/2018	14.830	11.500						11.500	11.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
5	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tân Phú			1	Tân Phú	2019-2021	Nhà lớp học 3T kết hợp với nhà chức năng, cải tạo nhà lớp học 2T và các hạng mục phụ trợ	5119/QĐ-UBND 31/10/2018	14.970	12.500						12.500	12.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
6	Đầu tư, nâng cấp Trường Mầm non Thị trấn Quốc Oai B			1	Thị Trấn	2019-2020	Xây mới 4 phòng học và các hạng mục phụ trợ	5089/QĐ-UBND 29/10/2018	14.902	10.500						10.500	10.500	1	UBND huyện Quốc Oai	Phần còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách Huyện
7	Đầu tư, nâng cấp Mầm non Ngọc Mỹ (điểm trường Ngọc Than)			1	Ngọc Mỹ	2019-2020	Nhà lớp học 3T10P, cải tạo nhà hiện trạng và các hạng mục phụ trợ	5085/QĐ-UBND 29/10/2018	14.892	13.500						13.000	13.000	1	UBND huyện Quốc Oai	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KII vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
8	Đầu tư, nâng cấp Mầm non Hoà Thạch; điểm trường thôn Bạch Thạch			1	Hòa Thạch	2019-2020	Nhà lớp học 3T6P và các phòng bếp, chức năng, phòng làm việc và các hạng mục phụ trợ	4922/QĐ-UBND 22/10/2018	13.575	12.000						12.000	12.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
9	Đầu tư, nâng cấp Mầm non Tân Hòa điểm trường thôn Yên Thái			1	Yên Thái	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 2T8P, cải tạo nhà lớp học cũ và các hạng mục phụ trợ	5095/QĐ-UBND 30/10/2018	13.883	12.500						12.500	12.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
10	Đầu tư, nâng cấp Trường Mầm non Long Phú			1	Hòa Thạch	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 2T6P, khu nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	4961/QĐ-UBND 23/10/2018	11.670	10.500						10.500	10.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
11	Đầu tư, nâng cấp Mầm non Cẩn Hữu (điểm trường Đình Tú, Thái Thương Khê)			1	Cẩn Hữu	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 2T4P, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	4962/QĐ-UBND 23/10/2018	13.984	12.500						12.500	12.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
12	Đầu tư, nâng cấp Tiểu học Yên Sơn, (điểm trường thôn Sơn Trung)			1	Yên Sơn	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 3T8P và cải tạo nhà lớp học 2T, các hạng mục phụ trợ	4963/QĐ-UBND 23/10/2018	14.698	11.500						11.500	11.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
13	Đầu tư, nâng cấp Xây dựng trường tiểu học xã Cẩn Hữu			1	Cẩn Hữu	2019-2020	Xây mới nhà hiệu bộ, nhà lớp học 2T8P và các hạng mục phụ trợ	5096/QĐ-UBND 30/10/2018	34.440	31.000						15.000	15.000		UBND huyện Quốc Oai	
14	Đầu tư Nâng cấp Trường tiểu học Đồng Xuân, điểm trường thôn Cửa Khâu			1	Đồng Xuân	2019-2020	Xây mới khối nhà lớp học, nhà lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	4964/QĐ-UBND 23/10/2018	14.988	10.500						10.500	10.500	1	UBND huyện Quốc Oai	Phần còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách Huyện
XI	Huyện Sóc Sơn		1	6					160.107	148.200	34.150					108.700	108.700	5		NQ 08 là 11 dự án, 2019 - 2020 Thành phố hỗ trợ 220,7 tỷ đồng
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019		1	6					160.107	148.200	34.150					108.700	108.700	5		
*	Lĩnh vực trường học		1	6					160.107	148.200	34.150					108.700	108.700	5		
1	Xây dựng trường THCS Đồng Xuân		1		Đồng Xuân	2018-2020	Xây mới nhà lớp học 24 phòng + nhà hiệu bộ + nhà thể chất + phụ trợ	8797/QĐ-UBND 31/10/2017	63.330	57.000	22.500					31.000	31.000		UBND huyện Sóc Sơn	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội dung thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Quang Tiến			1	Quang Tiến	2018-2020	Xây dựng 8 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà thể chất, cải tạo 10 phòng, hạng mục phụ trợ	8798/QĐ-UBND 31/10/2017	34.817	31.500	11.200					20.000	20.000		UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Kim Lũ			1	Kim Lũ	2019-2021	Xây dựng 16 phòng kết hợp phòng chức năng, các hạng mục phụ trợ	3597/QĐ-UBND 31/10/2018	14.539	13.000	100					13.000	13.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Phù Lỗ B			1	Phù Lỗ	2018-2020	Xây dựng 06 phòng học, nhà thể chất các hạng mục HTKT	2424/QĐ-UBND 29/10/2018	13.144	13.500	100					13.000	13.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Thanh Xuân			1	Thanh Xuân	2018-2020	Xây dựng 12 phòng học và các hạng mục phụ trợ, trang thiết bị đồng bộ	3200/QĐ-UBND 11/10/2018	14.509	13.500	100					13.500	13.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
6	Mở rộng trường mầm non Mai Đình B			1	Mai Đình	2019-2020	Xây dựng 4 phòng học, 1 phòng chức năng, hạng mục phụ trợ	3100/QĐ-UBND 04/10/2018	11.794	12.500	100					11.000	11.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Thanh Xuân (khu trung tâm)			1	Thanh Xuân	2018-2020	Xây dựng 04 phòng học, hạng mục phụ trợ	8653/QĐ-UBND 23/10/2017	7.974	7.200	50					7.200	7.200	1	UBND huyện Sóc Sơn	
XII	Huyện Thanh Oai			11					295.153	237.500	13.175	13.175	24.000	20.000		189.000	165.000	7		
A	Dự án đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 2019 đã giao			1					35.379	12.000			20.000	20.000		32.000	12.000	1		NQ 08 là 18 dự án, 2019 - 2020 Thành phố hỗ trợ 510 tỷ đồng
*	Lĩnh vực trường học			1					35.379	12.000			20.000	20.000		32.000	12.000	1		
1	Trường mầm non xã Cao Viên (Điểm trường thôn Đống)			1	xã Cao Viên, huyện Thanh Oai	2019 - 2020	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 12 phòng, nhà hiệu bộ, bếp, các HMPT	2974/QĐ-UBND 24/10/2018	35.379	12.000			20.000	20.000		32.000	12.000	1	UBND huyện Thanh Oai	KH vốn NSTP hỗ trợ đã giao 20 tỷ đồng năm 2019 là từ nguồn XSKT
B	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019			10					259.774	225.500	13.175	13.175	4.000			157.000	153.000	6		
*	Lĩnh vực trường học			9					204.888	175.500	13.175	13.175	4.000			132.000	128.000	6		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Trường tiểu học xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai			1	xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai	2018-2019	Nhà hiệu bộ 3 tầng, nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ khác	2328a/QĐ-UBND 17/8/2018; 558/QĐ-UBND 12/3/2019	42.038	29.000	13.175	13.175				18.000	18.000		UBND huyện Thanh Oai	UBND huyện đã bố trí vốn và đã GPMB
2	Trường mầm non Tam Hưng B, huyện Thanh Oai			1	xã Tam Hưng	2019 - 2020	Xây mới 8 phòng; phòng học chức năng, nhà hiệu bộ, hội đồng và các HMPT	557/QĐ-UBND 11/3/2019	29.500	26.500			500			13.500	13.000		UBND huyện Thanh Oai	
3	Xây mới trường mầm non Phương Trung II, huyện Thanh Oai			1	xã Phương Trung	2019-2020	Xây mới 12 phòng, Nhà nhà hiệu bộ, bếp + phòng học chức năng, các HMPT	3010/QĐ-UBND 30/10/2018; 562/QĐ-UBND 12/3/2019	44.900	40.000			500			18.500	18.000		UBND huyện Thanh Oai	Tại NQ 08 tên dự án là Trường mầm non Phương Trung II,
4	Trường tiểu học xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai			1	xã Đỗ Động	2019 -2020	Xây mới khối nhà hiệu bộ, nhà lớp học chức năng 3 tầng, cải tạo 8 phòng, các HMPT	2984/QĐ-UBND 26/10/2018; 561/QĐ-UBND 12/3/2019	14.300	13.000			500			12.500	12.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
5	Trường tiểu học xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai			1	xã Mỹ Hưng	2019- 2020	Xây mới nhà hiệu bộ, phòng học chức năng 3 tầng, cải tạo nhà lớp 18 phòng, các HMPT	2813/QĐ-UBND 15/10/2018; 560/QĐ-UBND 12/3/2019	14.500	13.000			500			13.500	13.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
6	Trường tiểu học Cao Viên I, huyện Thanh Oai			1	xã Cao Viên	2019 -2020	Xây mới khối nhà lớp học 3 tầng kết hợp thư viện, khối nhà hiệu bộ 3 tầng kết hợp bộ môn, các HMPT	2672/QĐ-UBND 28/9/2018; 559/QĐ-UBND 12/3/2019	14.950	13.500			500			14.000	13.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
7	Trường THCS xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai			1	xã Hồng Dương	2019 -2020	Xây mới dãy nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, cải tạo các khối nhà xuống cấp và HMPT	554/QĐ-UBND 11/3/2019	14.900	13.500			500			14.000	13.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
8	Trường tiểu học xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai			1	xã Thanh mai	2019 -2020	Xây mới nhà hiệu bộ, cải tạo các dãy nhà lớp học 2 tầng, các HMPT	555/QĐ-UBND 12/3/2019	14.850	13.500			500			14.000	13.500	1	UBND huyện Thanh Oai	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
9	Trường tiểu học xã Bình Minh II, huyện Thanh Oai			1	xã Bình Minh	2019 -2020	Xây mới khối nhà lớp học 3 tầng kết hợp thư viện, Cải tạo 2 dãy nhà lớp học, các hạng mục phụ trợ	556/QĐ-UBND 11/3/2019	14.950	13.500			500			14.000	13.500	1	UBND huyện Thanh Oai	Tại NQ 08 tên dự án là Trường tiểu học Bình Minh II
*	Lĩnh vực giao thông			1					54.886	50.000						25.000	25.000			
1	Tuyến đường nối từ QL 21B với đường trục phát triển phía nam (tỉnh Hà Tây cũ) đoạn qua địa phận Bích Hòa, huyện Thanh Oai			1	xã Bích Hòa	2019 - 2020	1.700m	548/QĐ-UBND 07/03/2019	54.886	50.000						25.000	25.000		UBND huyện Thanh Oai	Tại NQ 08 tên dự án là Nâng cấp đường nối từ QL 21B với đường trục phát triển kinh tế phía nam đi qua địa phận Bích Hòa - Cự Khê
XIII	Huyện Thường Tín			8					231.319	181.500						106.000	106.000	3		NQ 08 là 08 dự án, 2019 - 2020
A	Dự án để nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 2019 đã giao			8					231.319	181.500						106.000	106.000	3		Thành phố hỗ trợ 181,5 tỷ đồng
*	Lĩnh vực trường học			5					113.348	83.500						53.500	53.500	2		
1	Trường mầm non xã Ninh Sở			1	xã Ninh Sở	2018-2020	XD mới nhà lớp học và hiệu bộ 2 tầng	3518/QĐ-UBND 30/6/2016; 673/QĐ-UBND 11/3/2019	14.730	13.000						13.000	13.000	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Trường mầm non trung tâm xã Dũng Tiến			1	xã Dũng Tiến	2018-2020	XD mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	3324/QĐ-UBND 30/10/17; 674/QĐ-UBND 11/3/2019	14.836	2.500						2.500	2.500		UBND huyện Thường Tín	Trong đó: 11 tỷ đồng từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết năm 2020
3	Trường mầm non Tiên Phong			1	xã Tiên Phong	2018-2020	Xây mới 1 dãy nhà lớp học 2 tầng 12 phòng, nhà hiệu bộ 2 tầng, nhà bếp, nhà đa năng và phụ trợ	3725/QĐ-UBND 24/10/2018; 678 11/3/2019	44.951	30.000						15.000	15.000		UBND huyện Thường Tín	
4	Trường tiểu học Nguyễn Du			1	Thị trấn Thường tín	2018-2020	" Xây mới 18 phòng, nhà bộ môn 2 tầng 6 phòng, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	3816/QĐ-UBND 30/10/2018; 5196 28/12/2018	26.965	24.500						12.000	12.000		UBND huyện Thường Tín	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lấy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
5	Trường THCS Nghiêm Xuyên			1	xã Nghiêm Xuyên	2018-2020	" Xây mới 1 dãy nhà bộ môn, nhà tập đa năng CT nhà lớp học 10 phòng và các hạng mục phụ trợ	3520/QĐ-UBND 10/10/2018; 5197 28/12/2018	11.866	13.500						11.000	11.000	1	UBND huyện Thường Tín	
*	Lĩnh vực giao thông			3					117.971	98.000						52.500	52.500	1		
1	Đường liên xã Hồng Vân-Tự Nhiên-Chương Dương			1	xã Hồng Vân, Tự Nhiên, Chương Dương	2018-2020	3230m	3817/QĐ-UBND 30/10/2018; 4991 25/12/2018	55.897	40.500						20.000	20.000		UBND huyện Thường Tín	Tại NQ 08 tên dự án là Tuyến đường liên xã Hồng Vân-Tự Nhiên- Chương Dương
2	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Thăng Lợi - Lê Lợi			1	xã Thăng Lợi, Lê Lợi	2018-2020	3000m	656/QĐ-UBND 25/11/2013; 680/QĐ-UBND 11/3/2019	47.502	45.000						20.000	20.000		UBND huyện Thường Tín	Tại NQ 08 tên dự án là Tuyến đường liên xã Thăng Lợi - Lê Lợi
3	Đường từ tỉnh lộ 427 đến đường trục xã Văn Bình đi QL1A			1	xã Văn Bình	2018-2020	1382m	3259/QĐ-UBND 27/10/2017; 679/QĐ-UBND 11/3/2019	14.571	12.500						12.500	12.500	1	UBND huyện Thường Tín	Tại NQ 08 tên dự án là Tuyến đường từ tỉnh lộ 427 đến đường trục xã Văn Bình đi QL1A
XIV	Huyện Ứng Hòa			11					286.250	256.000						153.000	153.000	5		
A	Dự án đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 2019 đã giao			11					286.250	256.000						153.000	153.000	5		NQ 08 là 17 dự án, 2019 - 2020 Thành phố hỗ trợ 439 tỷ đồng
*	Lĩnh vực trường học			10					255.898	229.000						138.000	138.000	5		
1	Xây dựng, cải tạo trường THCS Lưu Hoàng			1	xã Lưu Hoàng	2019-2020	Xây mới nhà lớp học bộ môn 3 tầng, các phòng bộ môn và phụ trợ	112/QĐ-UBND 18/2/2019; 210/QĐ-UBND 29/3/2019	10.300	9.500						9.500	9.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
2	Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng			1	xã Lưu Hoàng	2019-2020	Xây mới 6 phòng học, nhà hiệu bộ, phòng chức năng và phụ trợ	113/QĐ-UBND 18/02/2019; 211/QĐ-UBND 29/3/2019	14.900	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội dung thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KII vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	Trường mầm non Vạn Thái (điểm thôn nội xá)			1	xã Vạn Thái	2019-2020	Cải tạo 06 phòng học, các hạng mục phụ trợ	160/QĐ-UBND 14/3/2019; 212/QĐ-UBND 29/3/2019	10.600	9.500						9.500	9.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
4	Trường mầm non trung tâm xã Viên Nội			1	xã Viên Nội	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 2 tầng, phòng bộ môn, hiệu bộ và phụ trợ	105/QĐ-UBND 30/01/2019; 214/QĐ-UBND 29/3/2019	36.900	33.000						15.000	15.000		UBND huyện Ứng Hòa	
5	Trường tiểu học Hoa Sơn			1	xã Hoa Sơn	2019-2020	Xây mới 16 phòng học và nhà hiệu bộ; cải tạo 6 phòng học và nhà bộ môn	1022/QĐ-UBND 01/12/2016; 227/QĐ-UBND 3/4/2019	14.500	13.000						13.000	13.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
6	Trường mầm non trung tâm xã Hòa Lâm			1	xã Hòa Lâm	2019 - 2020	Xây mới 14 phòng học, nhà hành chính, khối phục vụ học tập và các hạng mục phụ trợ	166/QĐ-UBND 14/3/2019; 219/QĐ-UBND 29/3/2019	35.400	32.000						15.000	15.000		UBND huyện Ứng Hòa	
7	Trường mầm non trung tâm xã Kim Đường			1	xã Kim Đường	2019 - 2020	Xây mới nhà lớp học 2 tầng, nhà hành chính, khối phục vụ học tập và các hạng mục phụ trợ	162/QĐ-UBND 14/3/2019; 215/QĐ-UBND 29/3/2019	44.200	39.000						17.000	17.000		UBND huyện Ứng Hòa	
8	Trường mầm non trung tâm xã Đồng Tiến			1	xã Đồng Tiến	2019 - 2020	Xây mới 17 phòng học, khu hành chính, khối phục vụ học tập và các hạng mục phụ trợ	164/QĐ-UBND 14/3/2019; 216/QĐ-UBND 29/3/2019	44.300	39.000						17.000	17.000		UBND huyện Ứng Hòa	
9	Trường mầm non trung tâm xã Phù Lưu			1	xã Phù Lưu	2019 - 2020	Xây mới 12 phòng học, khu hành chính, nhà bếp, khối phục vụ học tập và các hạng mục phụ trợ	163/QĐ-UBND 14/3/2019; 217/QĐ-UBND 29/3/2019	29.800	27.000						15.000	15.000		UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Nội dung thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Mức vốn đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố phê duyệt	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến KH2018		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Giải ngân KH vốn NSTP năm 2019 đến 01/4/2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		Dự án hoàn thành năm 2019	Đơn vị thực hiện/Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ	Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ		Tổng số	Trong đó vốn NS Thành phố hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
10	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Trường Thịnh			1	xã Trường Thịnh	2019 - 2020	cải tạo 12 phòng chức năng, các hạng mục phụ trợ	165/QĐ-UBND 14/3/2019	14.998	13.500						13.500	13.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
*	Lĩnh vực văn hóa			1					30.352	27.000						15.000	15.000			
1	Tu bổ, tôn tạo đình Thanh Âm, huyện Ứng Hòa và nhà truyền thống của Hội chữ thập đỏ Việt Nam			1	Thanh Âm	2019-2020		186/QĐ-UBND ngày 21/3/2019	30.352	27.000						15.000	15.000		UBND huyện Ứng Hòa	

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 8**

(Từ ngày/4/2019 đến ngày .../4/2019)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm và hệ thống biểu mẫu; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của UBND Thành phố tại Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 27/3/2019 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-HĐND ngày 03/4/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo giải trình bổ sung số 102/BC-UBND ngày 05/4/2019 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019 với tổng kinh phí 1.972.500 triệu đồng (tổng hợp tại Phụ lục số 1), bao gồm những nội dung sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn XDCB tập trung của 38 dự án (chi tiết tại Phụ lục số 2), trong đó:

- Điều chỉnh giảm vốn của 09 dự án với mức vốn giảm 1.492.000 triệu đồng.

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn của 29 dự án (26 dự án bổ sung danh mục kế vốn năm 2019; 3 dự án đã trong danh mục bổ sung vốn) với tổng mức vốn tăng 713.300 triệu đồng.

2. Bổ sung vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và Chương trình đầu tư của Thành phố: 11.000 triệu đồng.

3. Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn của 01 dự án sử dụng vốn theo cơ chế đặc thù với mức vốn 100.000 triệu đồng (chi tiết tại Phụ lục số 3).

4. Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn của 01 dự án sử dụng nguồn vốn huy động, đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân với mức vốn 13.000 triệu đồng (chi tiết tại Phụ lục số 4).

5. Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã, gồm:

- Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn hỗ trợ đặc thù thuộc vùng ảnh hưởng môi trường Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn: 01 dự án, với mức vốn 500 triệu đồng (chi tiết tại Phụ lục số 5).

- Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn cho 134 dự án hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho 14 huyện đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018; mức vốn 1.626.700 triệu đồng (chi tiết tại Phụ lục số 6).

6. Bổ sung nguồn vốn cho quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn GPMB: 1.000.000 triệu đồng.

7. Chấp thuận phương án cân đối nguồn vốn 3.464.500 triệu đồng cho nhu cầu bổ sung vốn năm 2019 theo phương án nêu như sau:

- Phân bổ 1.492.000 triệu đồng từ nguồn điều chỉnh giảm kế hoạch vốn XDCB tập trung (bố trí cho các dự án có quyết định đầu tư đến 31/10/2018 và bổ sung nguồn vốn cho quỹ phát triển đất).

- Phân bổ 13.000 triệu đồng cho 01 dự án từ nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH Phát triển THT đã nộp vào ngân sách Thành phố.

- Phân bổ số kinh phí còn lại (1.959.500 triệu đồng) từ nguồn dự kiến kết dư ngân sách Thành phố năm 2018 (nguồn kết dư ngân sách Thành phố năm 2017 chưa sử dụng).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND Thành phố:

- Chỉ đạo chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thiện thủ tục điều chỉnh thời gian thực hiện của 11 dự án XDCB tập trung trước ngày

30/5/2019 để triển khai thực hiện sớm hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư.

- Rà soát tổng thể, đề xuất phương án xử lý (dừng triển khai hoặc cập nhật vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và bố trí kế hoạch vốn hoàn thành dứt điểm) đối với toàn bộ các dự án chuyển tiếp đã khởi công từ năm 2015 trở về trước, chưa được cấp có thẩm quyền chỉ đạo dừng triển khai nhưng không nằm trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố, báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp HĐND Thành phố trong năm 2019 để đảm bảo hiệu quả nguồn vốn đã đầu tư, tránh để tồn tại công trình dở dang không có khả năng khai thác hoặc khai thác không hiệu quả.

- Tổng hợp các dự án được chấp thuận bổ sung danh mục kế hoạch vốn năm 2019 nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vào phương án cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn trình HĐND Thành phố phê duyệt tại kỳ họp cuối năm 2019 của HĐND Thành phố.

2. Giao Thường trực HĐND Thành phố, các Ban HĐND Thành phố, các tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Các nội dung không điều chỉnh tại Nghị quyết này tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09/4/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy, Thường trực HĐND Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- UBND, UB MTTQ Thành phố;
- Các ban Đảng, các ban HĐND Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã.;
- Công báo Thành phố, Cổng giao tiếp điện tử Thành phố;
- Lưu:VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc